

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20-02-2024

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hương Giang.

Ông Nguyễn Thành Đông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thu T, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Phan Thái T1, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/12/2023, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thu T trình bày: Bà và ông Phan Thái T1 tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2006, đến năm 2007 thì sinh con chung là cháu Phan Đình T2, sinh ngày 25/02/2007 và làm thủ tục đăng ký kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 210 ngày 12/12/2006. Tuy nhiên cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau do ông T1 không tập trung làm việc và chăm lo cho gia đình khiến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách nên cả hai quyết định sống ly thân với nhau từ

cuối năm 2021 đến nay không thể hàn gắn. Bà yêu cầu ly hôn với ông T1 và được nuôi con chung Phan Đình T2 đến trưởng thành, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Phan Thái T1 vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông T1, giao con chung là Phan Đình T2 cho bà T nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đến phiên tòa đúng quy định, bị đơn vắng mặt căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án bảo đảm quyền lợi của đương sự còn lại.

[2] Về hôn nhân: Bà T và ông T1 tự nguyện kết hôn, đến ngày 12/12/2006 làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, bà T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau nhưng thực tế giữa bà T với ông T1 không sống chung với nhau. Bà T giữ nguyên yêu cầu ly hôn, ông T1 đã được thông báo về việc bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn nhưng không có ý kiến đối với vấn đề hôn nhân của mình và không tham gia hòa giải tại tòa đã cho thấy mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà T và ông T1 có một người con chung là Phan Đình T2, sinh ngày 25/02/2007. Xét thấy, cháu T2 do bà T chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân và cháu có nguyện vọng sống với mẹ (bl 19), bà T có yêu cầu nuôi con chung khi ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu T2 cho bà T trực tiếp nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng cho con, bà T không yêu cầu và Tòa án không ghi được ý kiến tự nguyện của ông T1 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này. Ông T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở ông T1 thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, nguyên đơn bà Huỳnh Thu T phải chịu theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện T là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thu T được ly hôn với ông Phan Thái T1.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phan Đình T2, sinh ngày 25/02/2007 cho bà Huỳnh Thu T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Ông Phan Thái T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở ông T1 thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Bà Huỳnh Thu T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000451 ngày 13/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, bà T đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- UBND thị trấn Phú Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Nguyễn Thành Đông Nguyễn Thị Hương Giang Trần Thị Thanh Mai

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 20 phút, ngày 20 tháng 02 năm 2024.

Tại: Phòng nghị án – TAND huyện Thanh Trị.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Đông.

Bà Nguyễn Thị Hương Giang.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 206/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thu Thủy, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp Xa Mau 1, thị trấn Phú Lộc, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Chị Phan Thái Tân, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp Xa Mau 1, thị trấn Phú Lộc, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật⁽⁸⁾.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Hội đồng xét xử thảo luận, biểu quyết và thống nhất ý kiến về các vấn đề như sau:

1. Về điều luật áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- **Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14** ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thu Thủy được ly hôn với ông Phan Thái Tân.

- Về con chung: Giao con chung tên Phan Đình Tiến, sinh ngày 25/02/2007 cho bà Huỳnh Thu Thủy trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Ông Phan Thái Tân có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở ông Tân thực hiện quyền này.

- Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về các vấn đề khác:

- Bà Huỳnh Thu Thủy phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000451 ngày 13/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, bà Thủy đã nộp xong án phí.

- Báo các đương sự biết về quyền kháng cáo theo quy định.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 14 giờ 35 phút, ngày 20 tháng 02 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Thành Đông Nguyễn Thị Hương Giang

Trần Thị Thanh Mai

